

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 143/TTr-SNNMT ngày 26/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa được công bố tại Điều 1 Quyết định này, khẩn trương tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính có số thứ tự 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101 Mục XII. Lĩnh vực Thủy sản, Phần A. Thủ

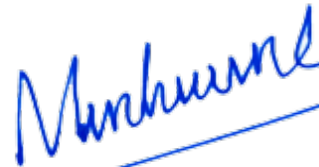
tục hành chính cấp tỉnh; thủ tục hành chính có số thứ tự 12, 13, 14 Mục IV. Lĩnh vực Thủy sản, Phần B. Thủ tục hành chính cấp huyện ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Mục I. Lĩnh vực Thủy sản, Phần A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh; thủ tục hành chính có số thứ tự 1 Mục I. Lĩnh vực Thủy sản, Phần B. Thủ tục hành chính cấp huyện ban hành theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT (báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- TT chuyển đổi số (Sở KHCN);
- VPUB: LĐ, KTTH, PVHCC;
- Lưu: VT, NTL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 42 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không	Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:	Như trên	Không	Như trên

		- Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 42 ngày.			
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương giống đồng thời giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp cấp lại: 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Chưa có văn bản quy định	Như trên
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế phù hợp với quy định)	Như trên
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	07 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Như trên	Chưa có văn bản quy định	Như trên
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ	10 ngày làm việc kể từ nhận	Như trên	Chưa có văn bản	Như trên

	sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	đủ hồ sơ		quy định	
7	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc	Như trên	Chưa có văn bản quy định	Như trên
8	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	- 32 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại	Như trên	Chưa có văn bản quy định	Như trên
9	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Như trên	Không	Như trên
10	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc); - 05 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật).	Như trên	Không	Như trên
11	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- 06 ngày làm việc đối với cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Như trên	Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	Như trên
12	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Như trên	Chưa có văn bản quy định	Như trên
13	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc.	Như trên	Không	Như trên

14	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Như trên	Không	Như trên
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc.	Như trên	Không	Như trên
16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc.	Như trên	Không	Như trên
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc.	Như trên	Không	Như trên
18	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc.	Như trên	Không	Như trên
19	Công bố mở cảng cá loại 2	a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Như trên	Chưa có văn bản quy định.	Như trên

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công bố mở cảng cá loại 3	a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Bộ phận một cửa UBND huyện	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: -Công khai phương án: 03	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

		ngày làm việc; -Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.			
3	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	-Công khai phương án 03 ngày làm việc. -Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	-Nnhư trên-	-Nnhư trên-	-Nnhư trên-

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Tổ chức quản lý cảng cá	- Nộp 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 (thực hiện đến hết ngày 14/01/2019). - Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 (thực	Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

				hiện từ ngày 15/01/2019).	
2	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc - 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi)	Cơ sở đăng kiểm tàu cá	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	Như trên
3	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Cơ sở đăng kiểm tàu cá	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TTBTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Như trên